

Số: **342/2020/QĐST-HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 281/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020, giữa:

** Nguyên đơn:* Anh Vũ Quốc V, sinh năm: 1997;
Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Chị Lý Thị L, sinh năm 1992;
Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Nơi ĐKKHTT: Thôn Đ, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
Nơi ở: Số nhà 11a, ngõ 116, đường Kim Quan, tổ 4, phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Quốc V và Chị Lý Thị L.
2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Vũ Linh Đ, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2018 cho Chị Lý Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục. Anh Vũ Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Vũ Linh Đ, mức cấp dưỡng: 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng; thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi cháu Vũ Linh Đ đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng: Thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

“Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.

- Về tài sản, đất đai chung; vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Vũ Quốc V tự nguyện nhận chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung; tổng số tiền án phí anh Việt phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000615, ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Lý Thị L không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- UBND phường L;
- UBND tt.Tân Yên, h.Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền

